ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG ĐỌC Ở ĐẦU CẤP TIỂU HỌC VÀ ƯỚC LƯỢNG MỨC ĐỘ PHỔ BIẾN CỦA HỌC SINH CÓ KHÓ KHĂN VỀ ĐỌC

Bùi Thế Hợp, Phạm Thị Bền, Trần Thị Bích Ngọc,
Nguyễn Công Khanh, Nguyễn Thị Cẩm Hường
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt: *Kĩ năng đọc của học sinh đầu cấp tiểu họccó vai trò quan trọng hàng đầu, là nền tảng cho việc học các kiến thức và kĩ năng khác. Nghiên cứu đánh giá kĩ năng đọc được thực hiện vào thời điểm cuối năm học 2023-2024 tại 8 trường tiểu học thuộc 4 tỉnh, ở miền Bắc và Miền Nam trên mẫu 927 học sinh lớp 1-3. Kết quả nghiên cứu cho thấy: 1) Trung bình tốc độ đọc thành tiếng của học sinh các lớp 1-3 đạt lần lượt 50,44; 91,61 và 113,23 chữ/phút với độ lệch chuẩn lần lượt là 21,90; 31,14 và 32,60; trong đó, chỉ số tốc độ đọc trung bình đạt được của học sinh lớp 2 và 3 cao hơn đáng kể so với mức yêu cầu cần đạt quy định trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành; 2) Chỉ số trung bình % lỗi đọc bài giảm dần từ lớp 1-3, với 5,60% lỗi đọc ở lớp 1, giảm xuống mức 2,99% ở lớp 2 và chỉ còn 2,28% ở lớp 3; 3) Điểm trung bình kĩ năng đọc hiểu được đánh giá trên thang điểm 10 đạt mức 3,81 ở lớp 1, tăng lên mức 6,28 ở lớp 2 và đạt 7,27 ở lớp 3; 4) Tốc độ đọc thành tiếng ở học sinh lớp 1-3 là biến định lượng liên tục có dạng phân phối chuẩn; nếu lấy mốc xác định học sinh khó khăn về đọc lớp 1 là những em có tốc độ đọc thấp hơn mức trung bình 1,5 độ lệch chuẩn (tức tốc đọc dưới 18 chữ/phút), còn ở lớp 2 và 3 lấy mốc thấp hơn mức trung bình 2 độ lệch chuẩn (tức tốc độ đọc dưới 29 chữ/phút ở cuối lớp 2 và dưới 48 chữ/phút ở cuối lớp 3), thì cho ước lượng tỉ lệ học sinh khó khăn về đọc đầu cấp tiểu học ở mức 5,93%. Kết quả nghiên cứu có thể làm tham chiếu cho việc hỗ trợ học đọc và theo dõi sự tiến bộ học đọc của học sinh khó khăn về đọc đầu cấp tiểu học.*
Từ khóa: *Cấp tiểu học, đánh giá, đọc hiểu, khó khăn về đọc, kĩ năng đọc, tốc độ đọc thành tiếng.*

Nhận bài ngày 05.02.2024; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 20.03.2025
Liên hệ tác giả: Bùi Thế Hợp; email: bthop@hnue.edu.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Với học sinh đầu cấp tiểu học, kĩ năng đọc có vai trò hết sức quan trọng. Trước hết, học sinh cần học để biết đọc, sau đó là biết đọc để học. Đọc cùng với viết và tính toán tạo nên bộ ba kĩ năng học đường cốt lõi, làm cơ sở cho việc lĩnh hội và phát triển kiến thức và kĩ năng các môn học. Kĩ năng đọc là kĩ năng hợp thành, biểu hiện ở hai kĩ năng thành phần cơ bản gồm đọc thành tiếng và đọc hiểu. Kĩ năng đọc thành tiếng thể hiện ở việc đáp ứng những yêu cầu cụ thể như đọc đúng từ và đọc trôi chảy văn bản; trong khi kĩ năng đọc hiểu đòi hỏi hành động đọc thầm và sau đó trả lời được các câu hỏi về nội dung đã đọc. Việc đánh giá kĩ năng đọc của học sinh đầu cấp tiểu học được thực hiện dựa trên tham chiếu về yêu cầu cần đạt theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ở môn Ngữ Văn [1].

Trong khi kĩ năng đọc có vai trò nền tảng cho việc học tập, ngay từ đầu cấp tiểu học luôn tồn tại một tỉ lệ nhất định học sinh gặp khó khăn về đọc. Khó khăn về đọc hay chứng đọc khó (dyslexia) là một dạng khó khăn học tập đặc thù xuất hiện ở lứa tuổi học đường,

với tỉ lệ dao động khoảng từ 3%-7% theo các nghiên cứu [2], [3]. Thậm chí, có ước tính tỉ lệ học sinh có hạn chế đáng kể về kĩ năng đọc dao động từ 5 đến 17%, và tỉ lệ cao được thấy ở các ngôn ngữ dùng bảng chữ cái nhưng ít có sự tương ứng 1-1 giữa chữ và âm [4], [5]. Cùng được dạy học đọc ở lớp như các bạn khác, những em có khó khăn về đọc vốn không mắc khuyết tật trí tuệ hay giác quan cũng không thiếu các điều kiện học tập nhưng lại thất bại học đọc. Trong khi đến cuối lớp 1, đa số học sinh có thể đọc thành tiếng bài đọc với yêu cầu tốc độ đạt khoảng 40 chữ đúng/phút, thì những em khó khăn về đọc sẽ đọc chậm hơn rất nhiều với tỉ lệ phần trăm lỗi đọc cao, thậm chí có em gần như chưa biết chữ. Thất bại đó được cho là do có khiếm khuyết cốt lõi về nhận thức âm vị của ngôn ngữ [6].

Đánh giá kĩ năng đọc của học sinh đầu cấp tiểu học, như đã nêu ở trên, dựa trên tham chiếu về yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình GDPT 2018. Học sinh được kiểm tra và đánh giá theo thang điểm 10; đồng thời dựa nhiều vào kinh nghiệm và cảm quan của giáo viên, hơn là ghi nhận minh chứng các chỉ số ở các miền đo về kĩ năng đọc thành tiếng và kĩ năng đọc hiểu. Trong khi đó, việc thu thập các chỉ số về tốc độ đọc thành tiếng, % lỗi đọc, điểm kĩ năng đọc hiểu là rất cần thiết cho việc so sánh và đưa ra các nhận định về kết quả dạy học kĩ năng đọc trên quy mô rộng. Thêm nữa, từ tập dữ liệu về đánh giá kĩ năng đọc của học sinh trên quy mô rộng sẽ giúp xác định tỉ lệ và các trường hợp học sinh khó khăn về đọc để có định hướng hỗ trợ các em theo nhóm nhỏ và/hoặc hỗ trợ cá nhân trong dịp hè và trong năm học tiếp theo. Hai câu hỏi được đặt ra từ nghiên cứu đánh giá này gồm: Kĩ năng đọc của học sinh cuối lớp 1, 2 và 3 như thế nào tại thời điểm đánh giá? Ước lượng tỉ lệ % học sinh có khó khăn về đọc trong mẫu nghiên cứu là bao nhiêu?

2. NỘI DUNG

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện từ 15/4 đến 15/5/2024 tại 8 trường tiểu học ở 04 tỉnh thành gồm Hà Nội, Quảng Ninh, Quảng Ngãi và Tiền Giang. Trong nghiên cứu này, học sinh lớp 1-3 được chọn ngẫu nhiên từ mỗi khối lớp, nhưng không bao gồm các em có khuyết tật trí tuệ hay khuyết tật giác quan và những học sinh vì điều kiện khác nhau không tham gia học tập đủ số buổi trong năm học theo quy định. Tổng cộng có 927 học sinh lớp 1-3 được đánh giá kĩ năng đọc. Cơ cấu mẫu nghiên cứu được mô tả ở Bảng 1.

Bảng 1. Mẫu nghiên cứu đánh giá kĩ năng đọc của học sinh lớp 1-3 (n=927)

Cơ cấu mẫu		**Số lượng**	**Tỉ lệ %**
Giới tính	Nữ	460	49,62
	Nam	467	50,37
Khối lớp	Lớp 1	307	32,12
	Lớp 2	298	32,15
	Lớp 3	322	34,74
Địa bàn	Phía Bắc	462	49,83
	Phía Nam	465	50,16

Đánh giá kĩ năng đọc được thực hiện theo hình thức kiểm tra cá nhân học sinh. Mỗi học sinh được kiểm tra về kĩ năng đọc thành tiếng và kĩ năng đọc hiểu văn bản. Ở kĩ năng đọc thành tiếng, mỗi học sinh đọc một văn bản ngắn trong thời gian tối đa là 3 phút. Sau đó, học sinh được dành 3-4 phút đọc thầm rồi trả lời các câu hỏi về nội dung văn bản để kiểm tra kĩ năng đọc hiểu. Bài đọc, các câu hỏi, đáp án tham chiếu và thang điểm được thiết kế riêng và tập huấn tới từng thành viên đoàn đánh giá. Ở miền đo kĩ năng đọc thành tiếng, 2 chỉ số

chính được đo gồm tốc độ đọc thành tiếng và % lỗi đọc. Trong nghiên cứu này, lỗi phát âm do nói ngọng hoặc phát âm theo phương ngữ không được tính là lỗi đọc.

Tốc đọc đọc thành tiếng tính theo đơn vị chữ/phút, theo công thức:

$$\text{Tốc độ đọc thành tiếng} = \frac{\text{Tổng số tiếng đọc} - \text{Số lỗi đọc}}{\text{Thời gian đọc}}$$

Chỉ số % lỗi đọc được tính theo công thức:

$$\%\ \text{lỗi đọc} = \frac{\text{Số lỗi đọc x 100}}{\text{Tổng số tiếng đọc}}$$

Ở miền đo kĩ năng đọc hiểu, có 5 câu hỏi về bài đọc, trong đó câu 1 kiểm tra kĩ năng nhận diện văn bản, câu 2-4 kiểm tra kĩ năng làm rõ nghĩa văn bản, câu 5 kiểm tra khả năng hồi đáp văn bản. Với mỗi câu hỏi học sinh trả lời đúng/hợp lí hoàn toàn được 2 điểm, đúng/hợp lí một phần được 1 điểm, không trả lời được hoặc trả lời sai được 0 điểm. Tổng điểm miền đo kĩ năng đọc hiểu là 10 điểm.

Kết quả đánh giá kĩ năng đọc của mỗi học sinh được ghi lại trong một phiếu đánh giá và mã hóa thông tin cá nhân khi nhập dữ liệu. Dữ liệu nghiên cứu được phân tích trên phần mềm Excel và SPSS. Các giá trị định tâm gồm giá trị trung bình (M) và độ lệch chuẩn (SD) của mỗi miền đo và chỉ số đo được quan tâm phân tích.

2.2. Kết quả đánh giá kĩ năng đọc của học sinh đầu cấp tiểu học

Kết quả nghiên cứu nội dung này cho thấy:

+ Ở kĩ năng đọc thành tiếng, chỉ số tốc độ đọc của học sinh lớp 1-3 lần lượt là: trung bình lớp 1 đạt 50,44 chữ/phút (SD = 21,90); lớp 2 đạt 91,61 chữ/phút (SD = 31,14); lớp 3 đạt 113,23 chữ/phút (SD = 32,60). Tỉ lệ % lỗi đọc bài của học sinh giảm dần từ lớp 1 đến lớp 3, chỉ số trung bình lần lượt là 5,60% lỗi đọc ở lớp 1; 2,29% ở lớp 2 và 2,28% ở lớp 3.

+ Ở kĩ năng đọc hiểu, với cùng một bài đọc hiểu, chấm trên thang điểm 10, trung bình học sinh các lớp 1-3 lần lượt đạt 3,81 (SD = 2,67); 6,28 (SD = 2,70); và 7,27 (2,30).

Bảng 2. Kết quả đánh giá kĩ năng đọc của học sinh lớp 1-3 (n= 927)

Lớp / ***Miền đo và chỉ số***		***Lớp 1*** *(n_1=307)*		***Lớp 2*** *(n_2=298)*		***Lớp 3*** *(n_3= 322)*	
		M	***SD***	***M***	***SD***	***M***	***SD***
Đọc thành tiếng	Tốc độ đọc (*chữ/phút*)	50,44	21,90	91,61	31,14	113,23	32,60
	% lỗi đọc	5,60	8,37	2,99	7,19	2,28	6,61
Đọc hiểu		3,81	2,67	6,28	2,70	7,27	2,30
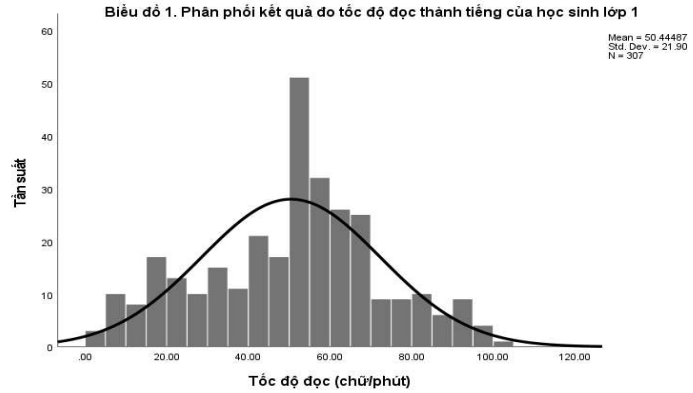
Phân tích dữ liệu về chỉ số tốc độ đọc thành tiếng của học sinh lớp 1-3, ở khía cạnh về phân phối tần suất cho thấy, đây là biến định lượng liên tục có dạng phân phối chuẩn. Đặc biệt, ở lớp 2 và lớp 3 thì phân phối tần suất về kết quả đo tốc độ đọc thành tiếng của học sinh có dạng đường cong phân phối chuẩn một cách rất rõ nét (Biểu đồ 1-3).